

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TỊNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-05-2023

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Kim Ba;

Ông Trần Thanh Hoàng.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Lê Quốc Trung - thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên tòa:** không tham gia.

Ngày 31 tháng 05 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 05 năm 2023 về việc tranh chấp "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Cao Hoàng T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: ấp C, xã G, thị xã H, tỉnh Cà Mau, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* bà Lưu Thị Ngọc A, sinh năm 1983. Nơi cư trú: khóm X, phường T1, thị xã T2, tỉnh An Giang, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 25/04/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Cao Hoàng T trình bày:*

Năm 2002, ông T và Ngọc A được hai bên gia đình sắp đặt, tiến đến hôn nhân, vì gia đình nên ông cũng đồng ý, có đăng ký kết hôn heo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 44 ngày 01/08/2002 của Ủy ban nhân dân thị trấn T1, nay là phường T1, thị xã T2, tỉnh An Giang.

Cuộc sống hôn nhân sau ngày cưới, do Ngọc A không đồng ý chung sống với ông nên hai bên gia đình giàn xếp, phía bên gia đình Ngọc A trả lại sính lễ cưới cho gia đình ông, hai bên không còn qua lại với nhau cho đến ngày hôm nay. Do ông nghĩ, không chung sống với nhau, không có con chung nên mạnh ai người đó tự có gia đình riêng, đến nay ông T chưa làm thủ tục xin ly hôn.

Nay, ông T yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lưu Thị Ngọc A.

Về các quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 12/05/2023, bị đơn bà Lưu Thị Ngọc A trình bày:*

Thông nhất theo lời trình bày của ông T, hôn nhân giữa bà A và ông T do hai bên gia đình sắp xếp, trong năm 2002, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 44 ngày 01/08/2002 của Ủy ban nhân dân thị trấn T1, nay là phường T1.

Sau ngày cưới, do bà A không có tình cảm với ông T nên bà A không chung sống với nhau được, bà A kêu gia đình bà và gia đình ông T giàn xếp, thoả thuận, phía bên gia đình bà A trả lại sính lễ như vàng, tiền cưới cho gia đình ông T, từ đó bà A và ông T không còn liên lạc nhau nhưng chưa làm thủ tục ly hôn. Hiện nay, bà A đã có gia đình khác.

Vì vậy, việc ông Cao Hoàng T xin ly hôn, bà A hoàn toàn đồng ý. Bà A yêu cầu Toà án sớm đưa vụ án ra xét xử.

Về các quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông T, bị đơn bà A đều vắng mặt (cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt) và không ai cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

*- Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại trên địa bàn thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn ông T, bị đơn bà A (đều có đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và xét xử vụ án theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quan hệ hôn nhân và gia đình giữa ông T với bà A được xác lập trong năm 2002, trước ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng Luật về hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà A xác lập năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T1, thị xã T2, tỉnh An Giang theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Theo lời trình bày của các đương sự, do không có tình cảm yêu thương nên vợ chồng không có thời gian chung sống với nhau, không cùng xây dựng hạnh phúc gia đình. Nguyên đơn ông T xin ly hôn, bị đơn bà A đồng ý.

Theo quy định tại Điều 18 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: “Vợ chồng chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững”.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông T không cùng thực hiện về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông T khởi kiện xin ly hôn, bà A đồng ý, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận cho ly hôn theo quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[5] Về các quan hệ con chung; tài sản chung và nợ chung: ông T và bà A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Cao Hoàng T là người xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng);

- Bị đơn bà Lưu Thị Ngọc A không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 9, 11, 89, 90 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Cao Hoàng T.

Về quan hệ hôn nhân: ông Cao Hoàng T được ly hôn với bà Lưu Thị Ngọc A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 01/08/2002 của Ủy ban nhân dân thị trấn T1, nay là phường T1, thị xã T2, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí sơ thẩm: ông Cao Hoàng T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009106, ngày 08/05/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên.

Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bản được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên;
- Chi cục Thi hành án thị xã Tịnh Biên;
- Ủy ban nhân dân xã/phường nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng và hồ sơ.

**Châu Nam Phú**